

PHIẾU TỔNG HỢP CHI TIÊU TRONG NGÀY TẠI TRƯỜNG TH NGỌC LÂM

Năm học 2025 - 2026

Thực đơn: Ngày 01 tháng 04 năm 2026

Bữa chính: Thịt lợn xay rang hành

Muối vừng

Dưa hấu

Khoai tây, cà rốt xào

Canh cải xanh nấu thịt

Cơm dẻo thơm

Bữa phụ: Sữa tươi tiệt trùng Vianmilk

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên thực phẩm	Nhập trong ngày				Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	Gạo tẻ	kg	138	20,000	2,760,000	
2	Thịt lợn	kg	94.3	137,000	12,919,100	
3	Dưa hấu	kg	92	30,000	2,760,000	
4	Khoai tây, cà rốt	kg	75	30,000	2,250,000	
5	Cải xanh	kg	34.5	25,000	862,500	
6	Hành lá	kg	0.5	45,000	22,500	
7	Lạc rang	kg	18	80,000	1,440,000	
8	Vừng rang	kg	3	100,000	300,000	
9	Dầu ăn	lít	30	60,000	1,800,000	
10	Mì chính	kg	1.5	70,000	105,000	
11	Hạt nêm	kg	3	60,000	180,000	
12	Nước mắm	lít	6	30,000	180,000	
13	Bột canh	gói	15	5,400	81,000	
14	Đường	kg	2	30,000	60,000	
15	VAT	suất	1,147	2,600	2,982,200	
16	Chất đốt	suất	1147	1,200	1,376,400	
17	N.lau sàn	lít	1.5	45,000	67,500	
18	N.rửa bát	lít	7	35,000	245,000	
19	Nhân công	công	1147	4,500	5,161,500	
20	Lãi dự kiến	đồng	1147	600	688,200	
21	Chi phí quản lý	đồng	1147	300	344,100	
22	Khấu hao	suất	1147	200	229,400	
23	Nước sạch	suất	1147	150	172,050	
24	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	hộp	1147	4,000	4,588,000	
Tổng cộng					41,574,450	

Tổng số suất ăn của học sinh	1,147	suất
Đơn giá	35,000	suất
Số tiền ăn trong ngày	40,145,000	đồng
Số tiền dư của ngày hôm trước	0	đồng
Số tiền chi ăn trong ngày	41,574,450	đồng
Số tiền còn lại cuối ngày	-1,429,450	đồng

Đại diện công ty Hoa Sữa



GIÁM ĐỐC
Bùi Quang Hoàn

Đại diện nhà trường



Đào Bích Phương Hoa

PHIẾU TỔNG HỢP CHI TIÊU TRONG NGÀY TẠI TRƯỜNG TH NGỌC LÂM

Năm học 2025 - 2026

Thực đơn: Ngày 02 tháng 04 năm 2026

**Bữa chính: Thịt gà rang sả
Trứng kho tàu
Su su, cà rốt xào**

**Canh bắp cải nấu thịt
Cơm dẻo thơm**

Bữa phụ: Sữa chua Vinamilk

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên thực phẩm	Nhập trong ngày				Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	Gạo tẻ	kg	138	20,000	2,760,000	
2	Thịt gà cả con	kg	132	80,000	10,560,000	
3	Trứng gà bóc	quả	1150	3,500	4,025,000	
4	Su su, cà rốt	kg	98	25,000	2,450,000	
5	Bắp cải	kg	34.5	25,000	862,500	
6	Thịt lợn	kg	2.3	137,000	315,100	
7	Gừng	kg	1	50,000	50,000	
8	Hành lá	kg	0.5	45,000	22,500	
9	Dầu ăn	lít	40	60,000	2,400,000	
10	Mì chính	kg	1.5	70,000	105,000	
11	Hạt nêm	kg	3	60,000	180,000	
12	Nước mắm	lít	6	30,000	180,000	
13	Bột canh	gói	15	5,400	81,000	
14	Đường	kg	2	30,000	60,000	
15	VAT	suất	1,151	2,600	2,992,600	
16	Chất đốt	suất	1151	1,200	1,381,200	
17	N.lau sàn	lít	1.5	45,000	67,500	
18	N.rửa bát	lít	7	35,000	245,000	
19	Nhân công	công	1151	4,500	5,179,500	
20	Lãi dự kiến	đồng	1151	600	690,600	
21	Chi phí quản lý	đồng	1151	300	345,300	
22	Khấu hao	suất	1151	200	230,200	
23	Nước sạch	suất	1151	150	172,650	
24	Sữa chua Vinamilk	hộp	1151	4,000	4,604,000	
Tổng cộng					39,959,650	

Tổng số suất ăn của học sinh	1,151	suất
Đơn giá	35,000	suất
Số tiền ăn trong ngày	40,285,000	đồng
Số tiền dư của ngày hôm trước	-1,429,450	đồng
Số tiền chi ăn trong ngày	39,959,650	đồng
Số tiền còn lại cuối ngày	-1,104,100	đồng

Đại diện công ty Hoa Sữa



GIÁM ĐỐC
Bùi Quang Hoàn

Đại diện nhà trường



Đào Chi Phương Hoa

PHIẾU TỔNG HỢP CHI TIÊU TRONG NGÀY TẠI TRƯỜNG TH NGỌC LÂM

Năm học 2025 - 2026

Thực đơn: Ngày 03 tháng 04 năm 2026

Bữa chính: Chả cốm chiên chấm tương cà

Đậu sốt Tứ Xuyên

Rau muống xào

Canh chua dầm me

Cơm dẻo thơm

Bữa phụ: Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên thực phẩm	Nhập trong ngày				Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	Gạo tẻ	kg	138	20,000	2,760,000	
2	Chả cốm	kg	75	120,000	9,000,000	
3	Đậu phụ	kg	81	25,000	2,025,000	
4	Thịt lợn	kg	6	137,000	822,000	
5	Rau muống	kg	98	25,000	2,450,000	
6	Me	kg	5	50,000	250,000	
7	Hành lá	kg	0.5	45,000	22,500	
8	Bột giòn	kg	11	45,000	495,000	
9	Tương cà	lít	11.5	50,000	575,000	
10	Dầu ăn	lít	50	60,000	3,000,000	
11	Mì chính	kg	1.5	70,000	105,000	
12	Hạt nêm	kg	3	60,000	180,000	
13	Nước mắm	lít	6	30,000	180,000	
14	Bột canh	gói	15	5,400	81,000	
15	Đường	kg	5	30,000	150,000	
16	VAT	suất	1,139	2,600	2,961,400	
17	Chất đốt	suất	1139	1,200	1,366,800	
18	N.lau sàn	lít	1.5	45,000	67,500	
19	N.rửa bát	lít	7	35,000	245,000	
20	Nhân công	công	1139	4,500	5,125,500	
21	Lãi dự kiến	đồng	1139	600	683,400	
22	Chi phí quản lý	đồng	1139	300	341,700	
23	Khấu hao	suất	1139	200	227,800	
24	Nước sạch	suất	1139	150	170,850	
25	Sữa tươi tiệt trùng Vinamilk	hộp	1139	4,000	4,556,000	
Tổng cộng					37,841,450	

Tổng số suất ăn của học sinh	1,139	suất
Đơn giá	35,000	suất
Số tiền ăn trong ngày	39,865,000	đồng
Số tiền dư của ngày hôm trước	-1,104,100	đồng
Số tiền chi ăn trong ngày	37,841,450	đồng
Số tiền còn lại cuối ngày	919,450	đồng

Đại diện công ty Hoa Sữa



GIÁM ĐỐC
Bùi Quang Hoàn

Đại diện nhà trường



Giáo viên Phụ trách